SAO Y; Sở Giáo dục và Đào tạo; 29/04/2022; 16:57:16 +07:00

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 948 /SGDĐT-GDMN
V/v thông báo kết quả thi "Giáo viên dạy giỏi" GDMN cấp thành phố năm học 2021-2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; Căn cứ Kế hoạch số 2146/KH- SGDĐT ngày 29/9/2021, Thông báo số 74/TB- SGDĐT ngày 17/02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức hội thi "Giáo viên dạy giỏi" Giáo dục mầm non cấp thành phố năm học 2021-2022; Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức hội thi "Giáo viên dạy giỏi" Giáo dục mầm non cấp thành phố năm học 2021-2022 và hoàn thành việc chấm thi theo đúng kế hoạch.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả thi của 306 giáo viên tham dự hội thi (theo danh sách kèm theo).

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận đơn phúc khảo bài thi bằng văn bản trong thời gian 07 ngày từ 04/5/2022 đến hết ngày 10/5/2022. Địa điểm nhận đơn phúc khảo tại phòng Giáo dục mầm non - Sở Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện gửi thông báo và kết quả thi đến toàn thể giáo viên tham dự hội thi và cơ sở Giáo dục mầm non có giáo viên dự thi biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Ban Giám đốc Sở;
- Phòng GDĐT các quận, huyện;
- Lưu: VT, MN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đỗ Thị Hòa

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ HỘI THI "GIÁO VIÊN DẠY GIỎI" GIÁO DỤC MẦM NON CẤP THÀNH PHỐ, NĂM HỌC 2021-2022

(Kèm theo Công văn số 948 /SGDĐT-GDMN ngày 29/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
1	Trần An Chung	02/9/1982	Thủy Đường	Thủy Nguyên	7.65	7.75	7.75	**Đạt**	85.00	81.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
2	Nguyễn Thị Thùy Dung	12/9/1992	Ngũ Lão	Thủy Nguyên	7.20	7.00	7.00	**Đạt**	85.00	86.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
3	Vũ Thị Thanh Hải	04/11/1986	Sao Mai	Thủy Nguyên	6.50	6.25	6.50	**Đạt**	88.00	85.00	90.00	**Đạt**	**Đạt**
4	Nguyễn Thị Hải	27/4/1990	Thủy Sơn	Thủy Nguyên	6.40	6.75	6.50	**Đạt**	82.00	82.00	82.00	**Đạt**	**Đạt**
5	Lê Thị Hằng	18/5/1984	Lưu Kiếm	Thủy Nguyên	8.30	8.00	8.25	**Đạt**	88.00	90.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
6	Nguyễn Thị Hằng	28/5/1982	Kênh Giang	Thủy Nguyên	6.40	7.25	6.25	**Đạt**	86.00	83.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
7	Chu Thị Hiền	15/5/1980	Sao Mai	Thủy Nguyên	7.75	7.75	8.75	**Đạt**	93.00	92.00	92.00	**Đạt**	**Đạt**
8	Đỗ Thị Thu Hiền	19/9/1983	Lại Xuân	Thủy Nguyên	8.50	8.50	8.50	**Đạt**	86.00	81.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
9	Lã Thị Thu Hường	25/4/1986	Thiên Hương	Thủy Nguyên	7.60	7.75	7.25	**Đạt**	85.00	85.00	84.00	**Đạt**	**Đạt**
10	Đỗ Thị Hồng Huyên	13/11/1994	Sao Mai	Thủy Nguyên	8.40	7.25	8.50	**Đạt**	80.00	79.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
11	Nguyễn Thị Thanh Huyền	24/5/1980	Minh Đức	Thủy Nguyên	6.40	7.25	6.50	**Đạt**	87.00	84.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
12	Mạc Phương Lan	25/7/1984	Phù Ninh	Thủy Nguyên	8.25	8.00	7.75	**Đạt**	89.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
13	Nguyễn Thùy Linh	01/11/1993	An Lư	Thủy Nguyên	7.25	7.75	7.50	**Đạt**	87.00	85.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
14	Nguyễn Thị Lý	22/11/1987	Kỳ Sơn	Thủy Nguyên	8.50	9.00	8.50	**Đạt**	87.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
15	Hoàng Thị Mai	30/4/1992	An Sơn	Thủy Nguyên	8.00	8.00	7.75	**Đạt**	86.00	87.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
16	Đỗ Thị Mai	02/12/1982	Hoàng Động	Thủy Nguyên	8.50	8.50	8.25	**Đạt**	85.00	75.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
17	Đỗ Thị My	15/6/1993	Kiền Bái	Thủy Nguyên	8.75	8.75	8.75	**Đạt**	89.00	88.00	90.00	**Đạt**	**Đạt**
18	Đỗ Thị Ngoan	25/12/1990	Chính Mỹ	Thủy Nguyên	8.25	8.50	8.50	**Đạt**	87.00	86.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
19	Lê Thị Ngọc	10/11/1981	Hoa Động	Thủy Nguyên	8.00	8.00	8.50	**Đạt**	87.00	85.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
20	Nguyễn Thị Ngọc	30/12/1991	Mỹ Đồng	Thủy Nguyên	8.25	9.00	8.75	**Đạt**	89.00	88.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
21	Phạm Thị Nguyên	17/11/1990	Lưu Kỳ	Thủy Nguyên	7.50	7.75	7.50	**Đạt**	89.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
22	Nguyễn Thị Nhung	20/8/1983	Hoa Động	Thủy Nguyên	9.00	9.00	9.00	**Đạt**	87.00	89.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
23	Trần Thị Nhung	21/10/1983	Minh Đức	Thủy Nguyên	7.00	7.00	7.00	**Đạt**	86.00	86.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
24	Vũ Thị Ninh	21/11/1982	Minh Tân	Thủy Nguyên	6.50	7.00	6.50	**Đạt**	82.00	87.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
25	Bùi Thị Nụ	28/02/1987	Ngũ Lão	Thủy Nguyên	7.25	7.25	6.50	**Đạt**	90.00	87.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
26	Nguyễn Thị Kim Oanh	26/02/1982	Tân Dương	Thủy Nguyên	7.00	7.00	6.25	**Đạt**	87.00	86.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
27	Nguyễn Thu Phương	22/08/1984	Kênh Giang	Thủy Nguyên	7.00	7.00	6.50	**Đạt**	81.00	79.00	81.00	**Đạt**	**Đạt**
28	Nguyễn Thị Phương	05/10/1983	Gia Minh	Thủy Nguyên	6.50	7.25	6.50	**Đạt**	78.00	78.00	78.00	**Không đạt**	**Không đạt**
29	Nguyễn Thị Phượng	02/12/1989	Sao Mai	Thủy Nguyên	7.25	7.50	6.25	**Đạt**	79.00	80.00	81.00	**Đạt**	**Đạt**
30	Nguyễn Thị Phượng	19/02/1989	Minh Tân	Thủy Nguyên	7.00	6.75	6.50	**Đạt**	79.00	82.00	82.00	**Đạt**	**Đạt**
31	Nguyễn Hạnh Quyên	05/6/1992	Quảng Thanh	Thủy Nguyên	7.50	7.75	6.00	**Đạt**	85.00	85.00	84.00	**Đạt**	**Đạt**
32	Nguyễn Thị Tâm	11/5/1987	Sao Mai	Thủy Nguyên	8.50	8.00	8.50	**Đạt**	87.00	85.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
33	Hoàng Thị Thắm	09/7/1990	Gia Minh	Thủy Nguyên	8.25	8.50	8.50	**Đạt**	86.00	85.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
34	Bùi Minh Thúy	21/6/1993	Sao Mai	Thủy Nguyên	8.00	7.75	7.50	**Đạt**	91.00	90.00	90.00	**Đạt**	**Đạt**
35	Tạ Thị Thùy	27/01/1989	Đông Sơn	Thủy Nguyên	7.75	7.50	7.50	**Đạt**	85.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
36	Đỗ Thị Uyên	14/01/1991	Liên Khê	Thủy Nguyên	8.50	8.75	8.75	**Đạt**	86.00	88.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
37	Lã Thị Thanh Vân	15/12/1991	Lâm Động	Thủy Nguyên	6.75	7.00	7.00	**Đạt**	81.00	85.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
38	Nguyễn Thị Vân	11/01/1988	Dương Quan	Thủy Nguyên	8.00	8.25	8.00	**Đạt**	88.00	90.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
39	Nguyễn Thị Hằng	18/7/1987	Liên Khê	Thủy Nguyên	8.50	8.50	8.75	**Đạt**	85.00	87.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
40	Phạm Thị Hòa	20/4/1984	Lưu Kiếm	Thủy Nguyên	7.00	7.25	7.50	**Đạt**	81.00	82.00	81.00	**Đạt**	**Đạt**
41	Nguyễn Thị Ngọc	29/7/1991	Sao Mai	Thủy Nguyên	8.50	8.25	8.00	**Đạt**	83.00	84.00	84.00	**Đạt**	**Đạt**
42	Dương Thị Nhàn	15/02/1982	Hòa Bình	Thủy Nguyên	7.25	7.75	7.75	**Đạt**	75.00	79.00	77.00	**Không đạt**	**Không đạt**
43	Nguyễn Thị Phượng	12/10/1984	Trung Hà	Thủy Nguyên	7.50	7.50	7.25	**Đạt**	76.00	75.00	78.00	**Không đạt**	**Không đạt**
44	Trần Thị Anh	06/8/1984	Sơn Ca	Cát Hải	8.50	8.50	8.25	**Đạt**	90.00	89.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
45	Hoàng Thị Hoàng Anh	11/7/1987	Sao Mai	Cát Hải	8.00	8.25	9.00	**Đạt**	85.00	86.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
46	Đặng Thị Thu Hiền	19/01/1992	Sơn Ca	Cát Hải	7.25	8.00	8.00	**Đạt**	80.00	77.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
47	Lê Thị Thanh Tâm	03/8/1990	3-2	Cát Hải	7.50	6.50	7.00	**Đạt**	85.00	87.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
48	Nguyễn Thị Phương Thúy	08/8/1988	3-2	Cát Hải	7.00	7.50	7.50	**Đạt**	93.00	93.00	90.00	**Đạt**	**Đạt**
49	Nguyễn Thị Huyền Chi	28/5/1994	Hoà Nghĩa	Dương Kinh	8.75	8.00	8.00	**Đạt**	89.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
50	Phạm Thị Huyền Hạnh	10/12/1984	Đa Phúc	Dương Kinh	8.50	8.00	8.00	**Đạt**	87.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
51	Lê Thị Quỳnh Liên	17/4/1986	Hoà Nghĩa	Dương Kinh	9.00	9.00	9.25	**Đạt**	89.00	89.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
52	Phạm Thị Loãn	20/2/1987	Đa Phúc	Dương Kinh	7.75	7.75	7.50	**Đạt**	85.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
53	Nguyễn Thị May	23/3/1986	Anh Dũng	Dương Kinh	7.50	7.75	7.75	**Đạt**	85.00	87.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
54	Đinh Thị Nghiêm	27/8/1988	Hoà Nghĩa	Dương Kinh	8.00	8.00	8.00	**Đạt**	89.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
55	Phạm Thị Thu Thảo	29/11/1990	Anh Dũng	Dương Kinh	7.25	7.50	7.50	**Đạt**	82.00	81.00	80.00	**Đạt**	**Đạt**
56	Nguyễn Thị Thu Trang	21/8/1991	Anh Dũng	Dương Kinh	8.00	8.00	7.75	**Đạt**	80.00	86.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
57	Phạm Thị Ngọc Anh	16/7/1990	Bạch Đằng	Hồng Bàng	7.75	7.25	7.50	**Đạt**	90.00	93.00	91.00	**Đạt**	**Đạt**
58	Trần Thị Lan Anh	14/01/1994	Mầm Non 1	Hồng Bàng	8.50	8.50	8.00	**Đạt**	85.00	85.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
59	Nguyễn Thị Ánh	22/11/1992	Sơn Ca	Hồng Bàng	7.50	7.75	7.75	**Đạt**	85.00	82.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
60	Bùi Thị Hiến	27/8/1991	Thượng Lý	Hồng Bàng	8.00	7.75	7.75	**Đạt**	88.00	85.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
61	Nguyễn Thị Hiền	06/02/1990	Bình Minh	Hồng Bàng	7.00	7.50	7.00	**Đạt**	92.00	93.00	92.00	**Đạt**	**Đạt**
62	Nguyễn Thị Hoa	18/6/1989	Mầm Non 1	Hồng Bàng	8.00	8.00	7.50	**Đạt**	90.00	90.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
63	Lê Thị Kiên	19/8/1985	Bình Minh	Hồng Bàng	7.75	7.50	7.50	**Đạt**	89.00	89.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
64	Nguyễn Thị Mai	06/7/1995	Hùng Vương	Hồng Bàng	7.50	7.25	7.25	**Đạt**	91.00	93.00	91.00	**Đạt**	**Đạt**
65	Phạm Thị Ngân	29/10/1993	Hùng Vương	Hồng Bàng	7.50	7.50	8.00	**Đạt**	91.00	91.00	91.00	**Đạt**	**Đạt**
66	Nguyễn Thị Kim Oanh	19/01/1993	Quang Trung	Hồng Bàng	7.50	7.75	7.50	**Đạt**	87.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
67	Lê Kim Oanh	14/10/1984	Mầm Non 1	Hồng Bàng	7.50	7.75	7.50	**Đạt**	87.00	88.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
68	Nguyễn Thị Hà Phương	02/12/1995	Mầm Non 1	Hồng Bàng	7.50	7.25	7.50	**Đạt**	88.00	89.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
69	Cao Thị Phượng	01/12/1990	Bạch Đằng	Hồng Bàng	7.00	7.25	7.50	**Đạt**	81.00	78.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
70	Trương Thị Hồng Thắm	11/7/1984	Mầm Non 1	Hồng Bàng	7.75	7.75	8.00	**Đạt**	87.00	86.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
71	Nguyễn Thị Thắm	09/6/1989	Hạ Lý	Hồng Bàng	8.25	8.00	8.00	**Đạt**	80.00	77.00	80.00	**Đạt**	**Đạt**
72	Vũ Thị Thịnh	21/4/1991	Bình Minh	Hồng Bàng	8.50	8.25	8.50	**Đạt**	90.00	89.00	91.00	**Đạt**	**Đạt**
73	Trương Thị Thanh Thúy	16/6/1988	Mầm Non 1	Hồng Bàng	8.75	9.00	9.25	**Đạt**	89.00	90.00	91.00	**Đạt**	**Đạt**
74	Lưu Thị Trang	07/4/1989	Quán Toan	Hồng Bàng	7.50	7.50	7.50	**Đạt**	83.00	82.00	84.00	**Đạt**	**Đạt**
75	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	09/9/1988	Thượng Lý	Hồng Bàng	7.75	7.75	7.75	**Đạt**	91.00	90.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
76	Mạc Thị Thanh Vân	25/01/1993	Thượng Lý	Hồng Bàng	7.75	7.50	7.50	**Đạt**	90.00	90.00	90.00	**Đạt**	**Đạt**
77	Dương Thị Hoàng Yến	04/5/1993	Thượng Lý	Hồng Bàng	8.00	7.50	7.50	**Đạt**	89.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
78	Mai Thị Yến	18/11/1988	Hoàng Văn Thụ	Hồng Bàng	8.25	8.50	8.50	**Đạt**	75.00	80.00	80.00	**Đạt**	**Đạt**
79	Nguyễn Thị Dung	10/02/1989	Vinh Quang	Vĩnh Bảo	7.50	7.25	6.25	**Đạt**	73.00	73.00	74.00	**Không đạt**	**Không đạt**
80	Bùi Thị Điệp	17/12/1980	Tân Liên	Vĩnh Bảo	7.50	6.00	7.25	**Đạt**	84.00	87.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
81	Bùi Thị Hạnh	29/3/1993	Tân Liên	Vĩnh Bảo	8.25	8.75	8.00	**Đạt**	88.00	88.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
82	Lương Thị Hiên	21/8/1988	Trấn Dương	Vĩnh Bảo	7.00	7.00	6.50	**Đạt**	85.00	82.00	82.00	**Đạt**	**Đạt**
83	Trần Thị Hiên	30/12/1986	Nhân Hòa	Vĩnh Bảo	6.50	7.00	7.00	**Đạt**	80.00	78.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
84	Nguyễn Thị Hiền	07/12/1990	Hiệp Hòa	Vĩnh Bảo	7.00	7.25	7.25	**Đạt**	81.00	87.00	84.00	**Đạt**	**Đạt**
85	Nguyễn Thị Hạnh	16/10/1991	Vĩnh An	Vĩnh Bảo	7.25	6.50	7.50	**Đạt**	88.00	88.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
86	Trần Thị Mỹ Hạnh	20/10/1984	Nhân Hòa	Vĩnh Bảo	8.00	8.00	8.25	**Đạt**	91.00	93.00	92.00	**Đạt**	**Đạt**
87	Đỗ Thị Hương	04/7/1983	Liên Am	Vĩnh Bảo	7.00	6.75	7.50	**Đạt**	79.00	80.00	82.00	**Đạt**	**Đạt**
88	Nguyễn Thị Hương	10/9/1991	Hòa Bình	Vĩnh Bảo	7.00	7.50	7.75	**Đạt**	89.00	89.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
89	Nguyễn Thị Lơ	02/11/1988	Hùng Tiến	Vĩnh Bảo	6.75	7.00	7.50	**Đạt**	85.00	81.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
90	Dương Thị Hương Ly	20/9/1995	Cộng Hiền	Vĩnh Bảo	8.00	7.75	8.25	**Đạt**	95.00	95.00	95.00	**Đạt**	**Đạt**
91	Nguyễn Thị Lê	13/9/1983	Cao Minh	Vĩnh Bảo	6.50	6.75	6.75	**Đạt**	84.00	87.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
92	Nguyễn Thị Mai	27/12/1988	Hưng Nhân	Vĩnh Bảo	6.25	6.00	6.25	**Đạt**	80.00	85.00	80.00	**Đạt**	**Đạt**
93	Bùi Thị Mến	16/9/1983	Vĩnh Long	Vĩnh Bảo	6.55	6.50	6.75	**Đạt**	87.00	86.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
94	Nguyễn Thị Mến	05/5/1989	Hòa Bình	Vĩnh Bảo	8.00	8.00	8.75	**Đạt**	80.00	78.00	82.00	**Đạt**	**Đạt**
95	Nguyễn Thị Nhung	12/4/1992	Vĩnh Tiến	Vĩnh Bảo	8.00	7.75	8.50	**Đạt**	85.00	85.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
96	Đào Thị Minh Phương	27/8/1993	Cổ Am	Vĩnh Bảo	7.50	7.75	7.25	**Đạt**	88.00	88.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
97	Phạm Thị Thìn	08/4/1971	Thanh Lương	Vĩnh Bảo	6.00	6.00	6.25	**Đạt**	90.00	87.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
98	Đỗ Thị Trang	15/3/1996	Vinh Quang	Vĩnh Bảo	7.25	7.50	7.75	**Đạt**	73.00	73.00	74.00	**Không đạt**	**Không đạt**
99	Đào Thị Trang	02/11/1990	Trấn Dương	Vĩnh Bảo	8.10	8.00	8.00	**Đạt**	88.00	87.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
100	Đặng Thị Thảo Vân	29/9/1997	Việt Tiến	Vĩnh Bảo	7.70	7.75	8.00	**Đạt**	89.00	88.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
101	Bùi Thị Yến	28/10/1990	Tam Cường	Vĩnh Bảo	8.50	8.50	8.50	**Đạt**	88.00	88.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
102	Nguyễn Thị Hiền	05/5/1982	Thắng Thủy	Vĩnh Bảo	7.75	7.75	7.75	**Đạt**	88.00	87.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
103	Nguyễn Thị Loan	04/10/1988	Đồng Minh	Vĩnh Bảo	8.50	8.50	8.75	**Đạt**	87.00	88.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
104	Nguyễn Thị Mai	03/8/1982	20-8	Vĩnh Bảo	8.00	8.00	8.00	**Đạt**	88.00	88.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
105	Nguyễn Thị Ngoan	28/5/1982	Đồng Minh	Vĩnh Bảo	8.00	7.75	7.75	**Đạt**	85.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
106	Vũ Thị Huyền Trang	13/02/1988	Trung Lập	Vĩnh Bảo	7.50	7.50	7.50	**Đạt**	88.00	92.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
107	Vũ Thị Tuyết	16/6/1990	Tam Cường	Vĩnh Bảo	9.00	9.00	9.00	**Đạt**	80.00	77.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
108	Đỗ Ngọc Anh	13/01/1990	Đông Hải 1	Hải An	7.50	7.50	7.50	**Đạt**	89.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
109	Vũ Thị Ba	17/09/1989	Đằng Lâm	Hải An	8.00	8.00	7.50	**Đạt**	90.00	90.00	90.00	**Đạt**	**Đạt**
110	Đỗ Thị Thu Hà	12/03/1981	Đằng Lâm	Hải An	7.75	7.75	7.75	**Đạt**	87.00	85.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
111	Trần Thị Hằng	06/8/1995	Đông Hải 2	Hải An	8.25	8.00	7.75	**Đạt**	88.00	89.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
112	Đỗ Thị Hoài	17/09/1991	Nam Hải	Hải An	8.75	8.75	8.75	**Đạt**	87.00	85.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
113	Vũ Kim Liên	22/7/1983	Đông Hải 2	Hải An	8.50	8.00	8.25	**Đạt**	91.00	89.00	90.00	**Đạt**	**Đạt**
114	Phạm Thị Liên	10/6/1991	Nam Hải	Hải An	7.75	7.75	8.50	**Đạt**	93.00	94.00	92.00	**Đạt**	**Đạt**
115	Bùi Thị Loan	07/01/1985	Đằng Hải	Hải An	7.75	8.00	7.75	**Đạt**	87.00	89.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
116	Lê Thị Lý	12/6/1987	Đằng Hải	Hải An	7.75	7.75	7.75	**Đạt**	97.00	95.00	95.00	**Đạt**	**Đạt**
117	Nguyễn Thị Miền	30/12/1983	Nam Hải	Hải An	8.00	8.00	8.00	**Đạt**	89.00	89.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
118	Lê Thị Tuyết Nga	11/5/1986	Đông Hải 2	Hải An	7.75	7.50	7.75	**Đạt**	87.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
119	Lê Thị Ngà	05/9/1993	Cát Bi	Hải An	7.75	8.00	8.25	**Đạt**	92.00	92.00	92.00	**Đạt**	**Đạt**
120	Phạm Thị Ngân	12/02/1983	Tràng Cát	Hải An	7.50	7.00	7.25	**Đạt**	88.00	85.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
121	Mai Thị Bích Ngọc	17/9/1989	Đằng Lâm	Hải An	7.25	7.00	7.00	**Đạt**	89.00	87.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
122	Đoàn Thị Hồng Nhã	12/6/1994	Đông Hải 1	Hải An	8.00	7.75	7.75	**Đạt**	87.00	84.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
123	Đinh Thị Hồng Nhung	13/5/1993	Đông Hải 1	Hải An	8.00	7.50	7.50	**Đạt**	85.00	87.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
124	Nguyễn Thị Kim Oanh	05/9/1983	Nam Hải	Hải An	7.50	8.00	8.00	**Đạt**	82.00	83.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
125	Phạm Thị Thanh Quỳnh	26/12/1986	Thành Tô	Hải An	8.00	8.25	8.00	**Đạt**	90.00	89.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
126	Lương Thị Tâm	02/9/1995	Thành Tô	Hải An	7.50	7.50	7.50	**Đạt**	86.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
127	Bùi Thị Thu Thương	26/3/1991	Cát Bi	Hải An	8.25	8.00	8.50	**Đạt**	88.00	86.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
128	Nguyễn Thị Trang	31/01/1988	Đằng Lâm	Hải An	8.00	7.50	7.50	**Đạt**	87.00	83.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
129	Bùi Thị Luyến	04/12/1991	Tràng Cát	Hải An	7.50	7.75	7.25	**Đạt**	79.00	79.00	79.00	**Không đạt**	**Không đạt**
130	Lương Ngọc Ánh	18/10/1983	Toàn Thắng	Tiên Lãng	8.00	7.75	7.75	**Đạt**	87.00	86.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
131	Vũ Thị Hương	19/9/1990	Liên Hào	Tiên Lãng	7.25	7.25	7.00	**Đạt**	80.00	82.00	80.00	**Đạt**	**Đạt**
132	Đỗ Thị Hường	16/01/1984	Thị Trấn	Tiên Lãng	8.50	8.00	8.50	**Đạt**	87.00	86.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
133	Nguyễn Thị La	14/5/1989	Thị Trấn	Tiên Lãng	7.50	7.50	7.50	**Đạt**	87.00	86.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
134	Hoàng Thị Liên	19/4/1992	Tiên Thanh	Tiên Lãng	6.50	7.25	6.75	**Đạt**	82.00	84.00	84.00	**Đạt**	**Đạt**
135	Cao Thị Lương	04/10/1991	Phạm Đình Nguyên	Tiên Lãng	8.50	8.00	7.50	**Đạt**	85.00	87.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
136	Phạm Thị Ly	19/4/1985	Vinh Quang	Tiên Lãng	8.00	7.75	8.25	**Đạt**	94.00	93.00	93.00	**Đạt**	**Đạt**
137	Phạm Thị Thanh Mai	17/10/1982	Tiên Thắng	Tiên Lãng	7.75	8.25	7.25	**Đạt**	87.00	88.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
138	Dương Thị Năng	09/02/1987	Khởi Nghĩa	Tiên Lãng	7.25	8.00	7.50	**Đạt**	81.00	80.00	82.00	**Đạt**	**Đạt**
139	Bùi Thị Nguyệt	25/10/1991	Thị Trấn	Tiên Lãng	7.25	7.50	7.75	**Đạt**	82.00	81.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
140	Chu Thị Ninh	12/6/1992	Tiên Cường	Tiên Lãng	7.75	8.00	8.25	**Đạt**	89.00	91.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
141	Phan Thị Sáng	25/6/1994	Bạch Đằng	Tiên Lãng	7.25	7.50	8.00	**Đạt**	82.00	85.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
142	Vũ Thị Thắm	10/02/1985	Đông Hưng	Tiên Lãng	7.00	7.75	7.25	**Đạt**	87.00	87.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
143	Hoàng Thị Thương	30/12/1993	Hùng Thắng	Tiên Lãng	7.75	7.25	7.00	**Đạt**	85.00	87.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
144	Phạm Thị Thủy	12/8/1986	Tây Hưng	Tiên Lãng	6.75	6.50	6.50	**Đạt**	88.00	89.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
145	Phạm Thị Thủy	02/02/1984	Đoàn Lập	Tiên Lãng	8.25	8.00	7.75	**Đạt**	95.00	97.00	95.00	**Đạt**	**Đạt**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
146	Vũ Thị Minh Trang	16/8/1992	Vinh Quang	Tiên Lãng	8.50	7.75	8.00	**Đạt**	90.00	90.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
147	Ngô Thị Trang	24/7/1990	Tiên Thắng	Tiên Lãng	7.25	8.00	8.25	**Đạt**	85.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
148	Nguyễn Thị An	05/4/1982	Tiên Thắng	Tiên Lãng	7.50	7.25	7.50	**Đạt**	87.00	84.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
149	Trịnh Thị Nguyệt Ánh	07/3/1978	Toàn Thắng	Tiên Lãng	8.00	8.50	7.75	**Đạt**	81.00	80.00	81.00	**Đạt**	**Đạt**
150	Lê Thị Khanh	26/8/1983	Phạm Đình Nguyên	Tiên Lãng	7.50	7.50	7.25	**Đạt**	85.00	83.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
151	Mai Thị Hồng Linh	03/3/1993	Quyết Tiến	Tiên Lãng	8.50	9.00	8.50	**Đạt**	85.00	81.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
152	ĐỗThị Khánh Ly	19/8/1989	Tự Cường	Tiên Lãng	8.50	8.75	8.75	**Đạt**	87.00	85.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
153	Đào Thị Tuyết Mai	04/12/1990	Tiên Thanh	Tiên Lãng	7.50	7.25	7.00	**Đạt**	89.00	87.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
154	Nguyễn Thị Thùy An	28/3/1977	Sao Sáng 4	Ngô Quyền	8.50	7.75	7.75	**Đạt**	100.00	100.00	98.00	**Đạt**	**Đạt**
155	Trần Bích An	28/11/1990	Chim Non	Ngô Quyền	9.50	9.50	9.00	**Đạt**	92.00	92.00	93.00	**Đạt**	**Đạt**
156	Vũ Diệp Anh	26/7/1987	Sao Sáng 8	Ngô Quyền	8.50	8.75	8.00	**Đạt**	90.00	88.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
157	Phạm Thị Vân Anh	09/8/1992	Sao Sáng 3	Ngô Quyền	8.50	8.05	8.00	**Đạt**	97.00	95.00	96.00	**Đạt**	**Đạt**
158	Dương Thị Quỳnh Chi	20/02/1989	Sao Sáng 8	Ngô Quyền	9.25	9.25	8.50	**Đạt**	93.00	93.00	94.00	**Đạt**	**Đạt**
159	Phạm Thị Hài	13/10/1987	Sao Sáng 7	Ngô Quyền	8.50	8.25	8.50	**Đạt**	92.00	91.00	93.00	**Đạt**	**Đạt**
160	Vũ Phương Hảo	04/12/1993	8-3	Ngô Quyền	7.75	7.75	7.75	**Đạt**	96.00	93.00	93.00	**Đạt**	**Đạt**
161	Nguyễn Thị Hiên	10/3/1985	8-3	Ngô Quyền	8.50	8.05	7.75	**Đạt**	87.00	88.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
162	Nguyễn Thị Kiều Hoa	24/9/1995	Sao Sáng 6	Ngô Quyền	8.00	8.00	8.00	**Đạt**	99.00	97.00	98.00	**Đạt**	**Đạt**
163	Trần Thị Thúy Hồng	04/7/1986	Sao Sáng 7	Ngô Quyền	9.30	9.25	9.00	**Đạt**	90.00	88.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
164	Nguyễn Thị Liên	01/12/1989	Đồng Tâm	Ngô Quyền	7.45	7.75	7.75	**Đạt**	86.00	87.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
165	Phạm Thị Quỳnh Mai	17/8/1989	20-10	Ngô Quyền	8.60	8.50	8.75	**Đạt**	85.00	85.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
166	Mai Thị Thúy Mai	05/8/1992	Sao Sáng 8	Ngô Quyền	8.20	8.50	8.50	**Đạt**	88.00	85.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
167	Nguyễn Thị Thiên Nga	30/7/1985	Sao Sáng 1	Ngô Quyền	7.60	7.50	7.50	**Đạt**	87.00	88.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
168	Phạm Bích Ngọc	19/02/1988	Sao Sáng 5	Ngô Quyền	8.25	8.25	8.00	**Đạt**	85.00	87.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
169	Đặng Thị An Nguyệt	25/7/1991	Sao Sáng 3	Ngô Quyền	8.70	8.50	8.25	**Đạt**	87.00	84.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
170	Trần Thị Phương	28/10/1988	Sao Sáng 5	Ngô Quyền	8.20	8.50	8.50	**Đạt**	81.00	85.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
171	Nguyễn Thị Phương	18/11/1988	20-10	Ngô Quyền	9.20	9.00	9.00	**Đạt**	89.00	89.00	92.00	**Đạt**	**Đạt**
172	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	04/12/1986	20-10	Ngô Quyền	8.45	8.50	8.50	**Đạt**	98.00	95.00	95.00	**Đạt**	**Đạt**
173	Đỗ Thu Thảo	23/7/1995	Sao Biển	Ngô Quyền	8.45	8.50	8.50	**Đạt**	85.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
174	Vũ Hồng The	25/5/1978	Sao Sáng 2	Ngô Quyền	7.75	7.75	7.30	**Đạt**	90.00	89.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
175	Phạm Hoài Thu	13/7/1990	Sao Biển	Ngô Quyền	9.00	9.00	9.00	**Đạt**	92.00	93.00	94.00	**Đạt**	**Đạt**
176	Nguyễn Thị Thu	03/7/1993	Sao Sáng 4	Ngô Quyền	8.75	9.50	9.40	**Đạt**	98.00	97.00	97.00	**Đạt**	**Đạt**
177	Bùi Thị Thúy	29/10/1992	Phạm Minh Đức	Ngô Quyền	7.50	8.00	7.90	**Đạt**	87.00	86.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
178	Nguyễn Hương Thủy	18/9/1976	Sao Sáng 4	Ngô Quyền	8.25	8.50	8.40	**Đạt**	100.00	99.00	99.00	**Đạt**	**Đạt**
179	Trần Thị Thu Trang	27/12/1984	Sao Sáng 3	Ngô Quyền	7.25	7.50	7.20	**Đạt**	89.00	87.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
180	Cao Quỳnh Anh	03/9/1987	Sao Sáng 2	Ngô Quyền	8.25	8.00	8.10	**Đạt**	89.00	88.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
181	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/01/1979	Sao Sáng 4	Ngô Quyền	8.00	8.00	8.00	**Đạt**	90.00	88.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
182	Nguyễn Thị Nhan	14/12/1980	Sao Biển	Ngô Quyền	8.00	8.00	8.00	**Đạt**	87.00	83.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
183	Phạm Thu Thùy	03/6/1991	Chim Non	Ngô Quyền	7.25	7.25	7.00	**Đạt**	90.00	87.00	90.00	**Đạt**	**Đạt**
184	Cao Thị Ngọc Anh	06/6/1991	Du Lễ	Kiến Thụy	7.50	7.75	7.50	**Đạt**	81.00	81.00	82.00	**Đạt**	**Đạt**
185	Đỗ Thị Dơn	22/8/1988	Thuận Thiên	Kiến Thụy	7.00	7.50	7.60	**Đạt**	85.00	87.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
186	Hoàng Thị Hân	29/10/1984	Tú Sơn	Kiến Thụy	7.00	7.00	7.20	**Đạt**	87.00	84.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
187	Nguyễn Thị Hằng	28/3/1992	Du Lễ	Kiến Thụy	7.50	7.50	7.70	**Đạt**	90.00	88.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
188	Bùi Thị Hiền	16/7/1992	Tú Sơn	Kiến Thụy	7.00	7.25	7.20	**Đạt**	87.00	89.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
189	Mạc Thị Hoa	18/9/1983	Ngũ Đoan	Kiến Thụy	8.50	7.75	8.00	**Đạt**	90.00	90.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
190	Bùi Thị Hương	04/8/1988	Đại Hà	Kiến Thụy	8.00	8.50	8.20	**Đạt**	87.00	85.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
191	Phạm Thị Lan Hương	04/10/1981	Tân Trào	Kiến Thụy	6.50	6.00	6.00	**Đạt**	80.00	84.00	79.00	**Đạt**	**Đạt**
192	Bùi Thị Lan	12/5/1984	Đông Phương	Kiến Thụy	7.25	7.75	7.70	**Đạt**	87.00	86.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
193	Đỗ Thị Nga	19/3/1985	Tân Phong	Kiến Thụy	7.25	7.50	7.30	**Đạt**	81.00	85.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
194	Phạm Thị Kim Ngân	14/12/1991	Kiến Quốc	Kiến Thụy	7.00	7.25	7.00	**Đạt**	85.00	81.00	81.00	**Đạt**	**Đạt**
195	Nguyễn Thị Thơm	20/02/1992	Thụy Hương	Kiến Thụy	8.75	8.25	8.00	**Đạt**	95.00	93.00	95.00	**Đạt**	**Đạt**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
196	Vũ Thị Thương	21/12/1984	Kiến Quốc	Kiến Thụy	7.00	7.50	7.20	**Đạt**	93.00	90.00	92.00	**Đạt**	**Đạt**
197	Nguyễn Thị Thùy	05/6/1988	Đại Hà	Kiến Thụy	8.25	8.00	7.20	**Đạt**	90.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
198	Kiều Thị Toản	19/7/1983	Liên Cơ	Kiến Thụy	7.00	7.00	7.10	**Đạt**	81.00	79.00	80.00	**Đạt**	**Đạt**
199	Nguyễn Thị Tuyết	11/7/1988	Đoàn Xá	Kiến Thụy	7.25	7.00	7.30	**Đạt**	80.00	79.00	81.00	**Đạt**	**Đạt**
200	Nguyễn Thị Bích Vân	13/6/1993	Liên Cơ	Kiến Thụy	8.50	7.00	7.00	**Đạt**	90.00	83.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
201	Bùi Thị Yến	03/9/1986	Tân Phong	Kiến Thụy	6.75	6.50	6.80	**Đạt**	79.00	77.00	79.00	**Không đạt**	**Không đạt**
202	Nguyễn Thị Hiếu	05/6/1991	Kiến Quốc	Kiến Thụy	6.50	6.75	6.80	**Đạt**	82.00	82.00	79.00	**Đạt**	**Đạt**
203	Mạc Thị Liên	30/10/1973	Ngũ Đoan	Kiến Thụy	8.25	8.25	7.60	**Đạt**	80.00	74.00	80.00	**Đạt**	**Đạt**
204	Nguyễn Thị Nguyệt	20/3/1983	Hữu Bằng	Kiến Thụy	7.25	7.00	7.00	**Đạt**	85.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
205	Mạc Thị Việt	18/11/1990	Đại Hà	Kiến Thụy	7.00	7.00	6.70	**Đạt**	80.00	78.00	82.00	**Đạt**	**Đạt**
206	Phạm Thị An	06/8/1991	An Tiến	An Lão	7.25	7.25	7.00	**Đạt**	87.00	84.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
207	Vũ Thị Vân Anh	13/9/1990	Trường Thành	An Lão	8.25	8.00	7.75	**Đạt**	89.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
208	Nguyễn Thị Việt Hà	24/7/1993	Sao Sáng	An Lão	8.50	8.50	8.00	**Đạt**	91.00	87.00	92.00	**Đạt**	**Đạt**
209	Nguyễn Thị Hà	28/6/1991	Tân Viên	An Lão	7.50	7.50	7.50	**Đạt**	85.00	85.00	84.00	**Đạt**	**Đạt**
210	Ngô Thị Hằng	18/5/1986	An Thái	An Lão	7.50	7.25	7.25	**Đạt**	79.00	79.00	79.00	**Không đạt**	**Không đạt**
211	Nguyễn Thị Hiên	03/02/1992	Bát Trang	An Lão	8.50	8.50	8.25	**Đạt**	88.00	87.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
212	Phạm Thị Hường	06/8/1994	Thái Sơn I	An Lão	7.25	7.25	7.25	**Đạt**	87.00	89.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
213	Vũ Thị Hường	05/02/1982	Quang Trung	An Lão	7.25	7.25	7.00	**Đạt**	79.00	81.00	82.00	**Đạt**	**Đạt**
214	Nguyễn Thị Thanh Lan	06/9/1991	An Thọ	An Lão	8.50	8.50	7.75	**Đạt**	80.00	79.00	80.00	**Đạt**	**Đạt**
215	Đào Thị Thùy Linh	26/11/1992	Quốc Tuấn	An Lão	7.50	7.50	7.50	**Đạt**	75.00	85.00	80.00	**Đạt**	**Đạt**
216	Đỗ Thị Bích Loan	23/4/1985	Mỹ Đức	An Lão	7.75	7.75	7.75	**Đạt**	87.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
217	Phạm Thị Năm	06/5/1983	Tân Dân	An Lão	7.50	7.25	7.50	**Đạt**	91.00	89.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
218	Trần Thị Nga	26/12/1983	Trường Sơn	An Lão	7.50	7.50	7.50	**Đạt**	87.00	87.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
219	Nguyễn Thị Quỳnh	09/10/1990	Quang Hưng	An Lão	6.00	6.50	7.00	**Đạt**	85.00	85.00	84.00	**Đạt**	**Đạt**
220	Vũ Thị Thanh	01/6/1989	Trường Thọ	An Lão	6.00	6.25	7.25	**Đạt**	85.00	87.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
221	Nguyễn Thị Thơm	15/11/1977	Chiến Thắng	An Lão	7.50	7.00	7.50	**Đạt**	87.00	87.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
222	Nguyễn Thị Thuý	21/9/1984	An Thắng	An Lão	7.25	7.50	7.00	**Đạt**	82.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
223	Lương Thị Vân	12/4/1993	Chiến Thắng	An Lão	8.00	8.25	8.50	**Đạt**	85.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
224	Bùi Thị Kim Hoa	10/4/1987	Sao Sáng	An Lão	7.00	7.00	7.25	**Đạt**	85.00	87.00	84.00	**Đạt**	**Đạt**
225	Đỗ Thị Lan	11/10/1987	Quang Hưng	An Lão	7.50	7.50	8.25	**Đạt**	82.00	85.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
226	Lê Thị Nhung	10/8/1985	Trường Thành	An Lão	8.50	8.75	8.50	**Đạt**	85.00	87.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
227	Nguyễn Thị Vân Anh	16/10/1992	1-6	Lê Chân	8.50	8.50	7.50	**Đạt**	88.00	91.00	91.00	**Đạt**	**Đạt**
228	Nguyễn Thị Mai Anh	18/7/1986	Kim Đồng I	Lê Chân	8.00	8.00	8.25	**Đạt**	88.00	85.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
229	Nguyễn Thị Bích Châm	11/01/1991	Kim Đồng IV	Lê Chân	8.00	7.75	8.25	**Đạt**	87.00	87.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
230	Lê Thị Hồng Chiêm	07/9/1979	Kênh Dương	Lê Chân	7.00	7.00	7.25	**Đạt**	86.00	87.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
231	Ngô Thị Dung	11/4/1987	Kim Đồng I	Lê Chân	7.50	7.50	8.00	**Đạt**	85.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
232	Phạm Thị Thùy Dung	09/10/1986	Kim Đồng II	Lê Chân	7.00	7.25	7.25	**Đạt**	81.00	82.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
233	Phạm Thị Hân	12/10/1992	Kim Đồng I	Lê Chân	7.00	7.25	7.50	**Đạt**	84.00	83.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
234	Nguyễn Khánh Hoa	28/8/1989	Hoa Lan	Lê Chân	7.75	8.00	7.50	**Đạt**	91.00	87.00	92.00	**Đạt**	**Đạt**
235	Nguyễn Thị Hoài Hương	20/4/1985	Hoa Cúc	Lê Chân	8.00	8.00	8.00	**Đạt**	90.00	88.00	90.00	**Đạt**	**Đạt**
236	Lê Thị Mai Hương	31/12/1984	Kim Đồng IV	Lê Chân	7.50	7.50	7.75	**Đạt**	85.00	75.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
237	Nguyễn Thị Khuê	30/10/1992	Hoa Cúc	Lê Chân	7.75	8.00	8.25	**Đạt**	86.00	85.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
238	Vũ Thị Lan	26/12/1993	Kim Đồng I	Lê Chân	8.50	8.60	8.25	**Đạt**	88.00	87.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
239	Bùi Nhật Lệ	22/11/1991	An Dương	Lê Chân	8.75	8.20	8.50	**Đạt**	89.00	93.00	91.00	**Đạt**	**Đạt**
240	Nguyễn Thị Hồng Minh	19/5/1989	Nguyễn Công Trứ	Lê Chân	7.25	7.30	7.50	**Đạt**	88.00	87.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
241	Đoàn Kim Ngân	22/2/1996	Hoa Cúc	Lê Chân	7.50	8.00	8.00	**Đạt**	88.00	86.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
242	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	04/02/1987	Dư Hàng Kênh II	Lê Chân	7.50	7.60	7.25	**Đạt**	85.00	87.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
243	Đồng Thị Hồng Nhung	12/6/1993	Kim Đồng IV	Lê Chân	8.00	7.70	7.75	**Đạt**	85.00	83.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
244	Vũ Giang Thanh	14/4/1992	Kim Đồng I	Lê Chân	7.00	7.60	7.50	**Đạt**	80.00	77.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
245	Đặng Thị Kim Thoa	06/12/1986	An Dương	Lê Chân	9.00	9.00	9.00	**Đạt**	88.00	88.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
246	Bùi Thị Minh Thu	01/11/1991	Kim Đồng IV	Lê Chân	7.00	7.00	7.00	**Đạt**	80.00	85.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
247	Lưu Thị Thu	16/01/1993	An Dương	Lê Chân	8.50	9.00	8.75	**Đạt**	94.00	97.00	97.00	**Đạt**	**Đạt**
248	Nguyễn Thị Thùy	24/8/1989	Hoa Cúc	Lê Chân	7.50	7.50	7.75	**Đạt**	81.00	80.00	82.00	**Đạt**	**Đạt**
249	Trần Thị Thu Trang	27/9/1983	1-6	Lê Chân	7.75	7.50	7.75	**Đạt**	95.00	95.00	95.00	**Đạt**	**Đạt**
250	Bùi Thị Thu Trang	11/11/1990	Kim Đồng II	Lê Chân	8.00	8.00	7.25	**Đạt**	83.00	84.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
251	Phạm Thị Út	15/02/1989	Hoa Lan	Lê Chân	8.00	8.50	8.00	**Đạt**	89.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
252	Nguyễn Thị Thanh Uyên	29/8/1995	Hoa Lan	Lê Chân	9.00	9.00	9.00	**Đạt**	85.00	85.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
253	Trần Thị Hảo	10/02/1996	1-6	Lê Chân	8.75	8.50	8.25	**Đạt**	92.00	90.00	93.00	**Đạt**	**Đạt**
254	Đoàn Thị Hòa	06/8/1984	Dư Hàng Kênh I	Lê Chân	8.75	9.00	7.75	**Đạt**	80.00	74.00	80.00	**Đạt**	**Đạt**
255	Nguyễn Thị Thu Quyên	10/8/1987	An Dương	Lê Chân	8.00	8.50	8.00	**Đạt**	90.00	90.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
256	Bùi Thị Thanh Thủy	19/11/1992	1-6	Lê Chân	7.00	7.50	7.00	**Đạt**	97.00	96.00	95.00	**Đạt**	**Đạt**
257	Nguyễn Thị Vân Anh	18/9/1983	Quốc Tuấn	An Dương	8.00	8.50	8.25	**Đạt**	85.00	79.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
258	Nguyễn Thị Thu Chang	28/9/1985	Nam Sơn	An Dương	8.50	8.75	8.00	**Đạt**	89.00	88.00	90.00	**Đạt**	**Đạt**
259	Hoàng Thị Ngọc Duyên	13/4/1992	An Đồng II	An Dương	8.00	8.00	8.00	**Đạt**	85.00	85.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
260	Trần Thị Hà	12/8/1991	An Dương	An Dương	8.25	8.25	8.00	**Đạt**	90.00	91.00	91.00	**Đạt**	**Đạt**
261	Nguyễn Thị Hằng	10/7/1983	An Đồng II	An Dương	8.00	8.25	8.25	**Đạt**	89.00	90.00	96.00	**Đạt**	**Đạt**
262	Hoàng Thị Hồng Hạnh	22/02/1995	Đồng Thái	An Dương	7.75	7.50	7.25	**Đạt**	91.00	91.00	91.00	**Đạt**	**Đạt**
263	Nguyễn Thị Hậu	27/7/1986	Quốc Tuấn	An Dương	8.75	9.00	8.25	**Đạt**	92.00	92.00	92.00	**Đạt**	**Đạt**
264	Phạm Thị Hồng	12/9/1978	An Dương	An Dương	8.25	8.25	9.00	**Đạt**	88.00	87.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
265	Nguyễn Thị Hương	12/02/1990	Lê Thiện	An Dương	7.75	7.75	7.75	**Đạt**	87.00	88.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
266	Nguyễn Thị Thu Hương	27/3/1983	Đồng Thái	An Dương	8.75	8.75	9.50	**Đạt**	89.00	90.00	94.00	**Đạt**	**Đạt**
267	Nguyễn Thị Luyến	25/4/1980	An Hưng	An Dương	8.00	7.75	7.50	**Đạt**	77.00	75.00	77.00	**Không đạt**	**Không đạt**
268	Ngô Thị Mười	12/02/1989	An Hồng	An Dương	8.00	8.00	8.25	**Đạt**	90.00	90.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
269	Phạm Thị Bích Ngà	01/02/1989	An Đồng I	An Dương	8.25	8.50	8.25	**Đạt**	81.00	85.00	85.00	**Đạt**	**Đạt**
270	Quản Thị Oanh	18/3/1985	Hồng Thái	An Dương	8.00	8.00	8.00	**Đạt**	83.00	88.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
271	Nguyễn Thị Thu Phương	18/6/1991	Quốc Tuấn	An Dương	8.50	8.25	8.25	**Đạt**	88.00	85.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
272	Phạm Thị Thu Thảo	18/01/1993	An Dương	An Dương	9.00	9.00	9.00	**Đạt**	85.00	86.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
273	Phạm Thị Thu	21/8/1983	Lê Lợi	An Dương	7.50	7.50	7.50	**Đạt**	95.00	93.00	94.00	**Đạt**	**Đạt**
274	Lê Thị Thu	26/9/1987	Bắc Sơn	An Dương	7.50	7.75	7.75	**Đạt**	89.00	87.00	89.00	**Đạt**	**Đạt**
275	Nguyễn Thị Thủy	20/7/1984	Đặng Cương	An Dương	7.50	7.75	7.25	**Đạt**	92.00	90.00	93.00	**Đạt**	**Đạt**
276	Lê Minh Trang	26/3/1992	Đồng Thái	An Dương	8.50	8.50	8.50	**Đạt**	100.00	98.00	100.00	**Đạt**	**Đạt**
277	Nguyễn Thị Thu Trang	20/7/1987	An Hưng	An Dương	8.00	8.50	8.25	**Đạt**	87.00	86.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
278	Trần Thị Xuyến	17/3/1986	An Hồng	An Dương	8.00	8.50	8.50	**Đạt**	81.00	79.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
279	Đinh Thị Thùy Dương	18/12/1984	An Dương	An Dương	8.75	8.50	8.75	**Đạt**	88.00	90.00	92.00	**Đạt**	**Đạt**
280	Đinh Thị Hoài Thương	29/12/1994	Đặng Cương	An Dương	8.00	8.50	8.25	**Đạt**	86.00	85.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
281	Phan Thị Thu Hà	07/12/1991	Trần Thành Ngọ	Kiến An	7.75	8.00	7.50	**Đạt**	95.00	93.00	95.00	**Đạt**	**Đạt**
282	Trần Thị Thanh Hằng	04/4/1981	Bắc Sơn	Kiến An	7.50	8.00	8.50	**Đạt**	85.00	81.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
283	Trần Thị Hậu	13/8/1995	Hoa Phượng	Kiến An	7.75	7.50	7.50	**Đạt**	91.00	88.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
284	Đỗ Thị Liên	15/8/1977	Hướng Dương	Kiến An	8.25	7.75	8.00	**Đạt**	89.00	87.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
285	Trương Thị Hồng Linh	01/7/1983	Bắc Sơn	Kiến An	8.00	8.50	8.75	**Đạt**	85.00	85.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
286	Quách Thị Lương	18/4/1989	Quán Trữ	Kiến An	9.00	8.75	8.25	**Đạt**	85.00	85.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
287	Phan Thị Lương	06/01/1982	8-3	Kiến An	8.00	8.25	7.75	**Đạt**	90.00	90.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
288	Tăng Thị Mơ	26/6/1981	Hướng Dương	Kiến An	7.00	7.00	6.75	**Đạt**	88.00	89.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
289	Dương Thị Nga	16/6/1981	Thực Hành	Kiến An	8.00	7.75	8.25	**Đạt**	97.00	97.00	97.00	**Đạt**	**Đạt**
290	Nguyễn Thị Ngà	27/12/1988	Nhi Đức	Kiến An	7.50	7.50	7.25	**Đạt**	85.00	86.00	86.00	**Đạt**	**Đạt**
291	Vũ Thị Hồng Nhung	15/10/1981	Bắc Sơn	Kiến An	8.50	8.25	8.50	**Đạt**	80.00	81.00	81.00	**Đạt**	**Đạt**
292	Nguyễn Thị Phúc	26/8/1985	Hoa Hồng	Kiến An	7.00	7.75	7.25	**Đạt**	100.00	98.00	99.00	**Đạt**	**Đạt**
293	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/8/1995	Hoa Phượng	Kiến An	8.75	8.00	7.50	**Đạt**	88.00	89.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
294	Lã Thị Tho	23/6/1985	Trần Thành Ngọ	Kiến An	7.25	7.00	7.25	**Đạt**	93.00	91.00	90.00	**Đạt**	**Đạt**
295	Bùi Thị Thoa	02/11/1993	Đồng Hòa	Kiến An	7.00	7.75	8.50	**Đạt**	81.00	85.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ sở GDMN đang công tác	Quận huyện	Kết quả phần thi thuyết trình				Kết quả phần thi thực hành				Đánh giá chung
					Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	Điểm GK 1	Điểm GK 2	Điểm GK 3	Đánh giá	
296	Nguyễn Thị Hoài Thương	04/9/1995	Thực Hành	Kiến An	8.00	8.00	8.00	**Đạt**	95.00	91.00	95.00	**Đạt**	**Đạt**
297	Hoàng Thị Yến	22/7/1989	Nam Hà	Kiến An	7.50	7.50	7.75	**Đạt**	96.00	95.00	96.00	**Đạt**	**Đạt**
298	Nguyễn Thị Bích Huệ	14/4/1973	Quán Trữ	Kiến An	8.50	8.75	8.75	**Đạt**	88.00	86.00	88.00	**Đạt**	**Đạt**
299	Nguyễn Thị Thanh Hằng	05/9/1985	Hải Sơn	Đồ Sơn	6.75	6.75	6.75	**Đạt**	80.00	79.00	81.00	**Đạt**	**Đạt**
300	Phạm Thị Thanh Huyền	13/12/1989	Quận	Đồ Sơn	7.50	7.00	7.25	**Đạt**	85.00	86.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**
301	Ngô Thị Thùy Linh	27/03/1993	Bàng La	Đồ Sơn	6.75	6.50	6.75	**Đạt**	79.00	78.00	80.00	**Không đạt**	**Không đạt**
302	Nguyễn Thị Thái Ngọc	25/08/1990	Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	6.50	6.50	6.50	**Đạt**	85.00	83.00	83.00	**Đạt**	**Đạt**
303	Lưu Thị Phương Thảo	30/10/1992	Hải Sơn	Đồ Sơn	8.00	7.75	7.50	**Đạt**	82.00	79.00	81.00	**Đạt**	**Đạt**
304	Hoàng Thị Thúy	02/02/1991	Quận	Đồ Sơn	7.75	7.25	7.25	**Đạt**	81.00	87.00	84.00	**Đạt**	**Đạt**
305	Đinh Thị Thu Trang	24/08/1984	Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	8.50	8.25	7.75	**Đạt**	89.00	88.00	90.00	**Đạt**	**Đạt**
306	Lương Thị Yến	20/9/1990	Hải Sơn	Đồ Sơn	7.50	7.75	8.25	**Đạt**	87.00	83.00	87.00	**Đạt**	**Đạt**

(Tổng số 306 người)